

Chương 1: KIẾN TRÚC AI CẬP CỔ ĐẠI (3000 TCN - Tk I SCN).

1.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

1.1.1 Tự nhiên.

- Nằm ở khu vực Đông Bắc Phi; giáp với Địa Trung Hải, lục địa châu Phi, Hồng Hải và bán đảo Sinai. Với vị trí đó, Ai Cập trở thành trung tâm của thế giới cổ đại, là giao điểm của các đường giao thông quan trọng nối liền 3 lục địa Á, Phi, Âu.

- Ai Cập là dải phù sa hẹp dọc sông Nile. Sông Nile nuôi sống Ai Cập: cung cấp phù sa, nước tưới, là con đường giao thông đường thủy huyết mạch.

- Khí hậu nóng khô, ít mưa nhiều nắng.

- Vật liệu xây dựng chủ yếu là đá, gỗ rất hiếm và được nhập từ bên ngoài, bùn lau sậy sử dụng làm vách hoặc mái trong kiến trúc dân gian.

1.1.2 Xã hội.

- Xã hội chiếm hữu nô lệ dưới sự ngự trị với uy quyền tuyệt đối của các Pharaon, các Pharaon vừa là thần vừa là vua.

- Người Ai Cập tin tưởng sâu sắc vào thần linh, tin tưởng vào sự sống vĩnh viễn ở kiếp sau. Vì vậy người Ai Cập ướp xác giữ cho nguyên vẹn vì tin rằng linh hồn sẽ nhập vào thể xác và được bảo tồn mãi mãi ở kiếp sau.

- Nền kinh tế nông nghiệp với lực lượng chính là nông dân công xã và nô lệ. Các ngành thủ công như đồ gốm, thủy tinh, kim hoàn...rất phát triển.

1.2 Các thời kỳ lịch sử.

- Cổ vương quốc (3000-2130 TCN): phát triển ở vùng Hạ Ai Cập, loại hình kiến trúc chủ yếu là Mastaba và Kim tự tháp.

- Trung vương quốc (2130-1580 TCN): phát triển ở vùng Thượng Ai Cập, lăng mộ trở nên nhỏ hơn, loại hình kiến trúc chủ yếu là đền thờ.

- Tân vương quốc (1580-332 TCN): phát triển ở vùng Thượng Ai Cập, loại hình kiến trúc chủ yếu là các lăng mộ đục trong núi đá.

- Hậu kỳ (332-30 SCN): bị đô hộ bởi Hy Lạp và La Mã, kiến trúc có qui mô nhỏ chịu ảnh hưởng của Hy Lạp, La Mã.

1.3 Đặc điểm kiến trúc.

- Hệ kết cấu sử dụng phổ biến là hệ tường - dầm hay cột - dầm chịu lực. Cột rất lớn, khoảng cách cột nhỏ. Công trình được đặt trực tiếp lên nền đất nên có mặt

bằng dàn trải, đáy lớn và không cao. Tường xây gạch hoặc đá trên có mái bằng lợp các tấm đá. Nhà ở dân gian sử dụng hệ khung sườn gỗ cây chà là, tường và mái bằng là vách đất ép và bùn lau sậy.

- Công trình có quy mô lớn, kích thước đồ sộ; cách bố trí tôn nghiêm, chặt chẽ, nặng nề, thần bí có tính áp chế con người.

- Các công trình có tính thống nhất cao nhờ sự đồng nhất trong cách thức bố cục, điều khắc, trang trí.

- Mô phỏng thiên nhiên và hình thức nhà ở dân gian bằng bùn, lau sậy.

- Hội họa và điêu khắc có tính quy ước, được sử dụng nhiều để trang trí các mảng tường đặc lớn, các cột...

1.4 Các loại hình kiến trúc.

1.4.1 Kiến trúc lăng mộ: gồm có 3 loại: Mastaba, Kim tự tháp, Hang mộ lần lượt xuất hiện và tiến hoá theo thời gian theo thứ tự trên.

Mastaba: là lăng mộ dành cho tầng lớp quý tộc, có dạng hình tháp cụt. Mastaba được xây theo hướng B-N, ý đồ ban đầu xuất phát từ việc mô phỏng ngôi nhà ở sau phát triển dần lên. Công trình chia làm hai phần: phần mộ và phần cúng tế.

Công trình tiêu biểu: Mastaba của Aha tại Sakkara, Mastaba tại Beit Khallaf, Mastaba tại Gizeh, Mastaba của Thi tại Sakkara.

Kim tự tháp: là lăng mộ dành cho vua chúa phát triển từ hình thức có bậc sang hình thức 2 dốc rồi 1 dốc. Hiện có khoảng 100 kim tự tháp tập trung chủ yếu ở vùng Hạ Ai Cập về phía Tây của sông Nile. Các kim tự tháp chủ yếu trong các vương triều III,IV thể hiện sức mạnh vĩnh cửu của các Pharaon dưới hình tượng các bậc thang lên trời hay những chùm tia sáng.

Công trình tiêu biểu: Kim tự tháp của Zoser tại Sakkara, Kim tự tháp tại Meydum, Kim tự tháp của Seneferu tại Dahshur, Quần thể kim tự tháp tại Gizeh.

Địa mộ: được phát triển từ thời Trung vương quốc và Tân vương quốc ở vùng Thượng Ai Cập. Đây là vùng núi non hiểm trở thuận tiện cho việc xây dựng những khu địa mộ rộng lớn đã hình thành nên thành phố của người chết ở phía Tây sông Nile gồm thung lũng các vị vua và thung lũng các hoàng hậu.

Công trình tiêu biểu: Mộ của các vị vua tại Thebes, Mộ tại Beni Hasan.

1.4.2 Kiến trúc tôn giáo: chủ yếu là đền thờ các vị thần. Các đền thờ có thể được xây dựng trên các vùng đất trống xung quanh có tường bao bọc hoặc được đục vào trong vách núi. Các hoạt động tế lễ hay hội hè thường được tổ chức ở phía trước của đền thờ, phần bên trong chỉ có Pharaon, các tầng lữ và các quan lại cao cấp mới được vào càng làm tăng thêm vẻ huyền bí, thần thánh hoá nhà vua.

Các công trình tiêu biểu: Đền thờ thần Khons tại Karnak, Đền thờ lớn thần Ammon tại Karnak, Đền hang của Rameses II tại Abu-Simbel.

1.4.3 Kiến trúc cung điện , nhà ở:

Cung điện: có qui mô lớn, phát triển theo trục dọc. Cung điện sử dụng kết cấu gỗ, tường gạch xây, mặt tường trát vữa, ngoài cùng xoa thạch cao. Bên trong cung điện sử dụng nhiều trang trí, đặt nhiều tượng. Càng về sau cùng với việc thần hoá nhà vua, cung điện càng mô phỏng hình thức đền thờ thần.

Nhà ở: sử dụng vật liệu chủ yếu là gạch, gỗ và bùn lau sậy. Nhà ở kiểu doanh trại dùng cho thợ xây làm kim tự tháp thường xây với mật độ cao, nhà không có cửa sổ, nhiều nhà cùng quay quanh 1 sân trong, các nhà qui hoạch theo hình học và được ngăn thành khu bởi tường thành. Nhà ở của thị dân, quý tộc có diện tích lớn có thể được xây đến 4 tầng, trong nhà có các thành phần như: sân vườn, đền thờ nhỏ, phòng khách, phòng ngủ, phòng tắm..., toàn bộ các phòng hướng vào sân vườn.

Chương 2: KIẾN TRÚC TÂY Á CỔ ĐẠI (3000 - 331 TCN).

2.1. Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội :

2.1.1 Tự nhiên.

- Là khu vực gồm nhiều quốc gia nhỏ như Babylon, Assyria, Batur tập trung xung quanh 2 con sông lớn ở vùng Trung Đông là Euphrates và Tigris, trong đó 2 khu vực lớn nhất là Lưỡng Hà gồm 2 quốc gia Babylon và Assyria, ngày nay là địa phận nước Iraq và Batur nằm kề về phía Đông của Lưỡng Hà, ngày nay là địa phận nước Iran.

- Khu vực có địa hình bằng phẳng, ít núi non hiểm trở, không có biên giới tự nhiên nên giao thông thuận lợi đồng thời chiến tranh cũng xảy ra liên miên dẫn đến sự pha trộn giữa các nền văn hoá khác nhau .

- Khí hậu khắc nghiệt, hè nắng cháy tại phương Nam, mùa đông lạnh đặc biệt ở phương Bắc.

- Vật liệu xây dựng chủ yếu là đất sét. Đất sét được dùng làm gạch sống, gạch nung, gạch men và vách trộn rơm trong nhà dân gian. Vật liệu kết dính là hồ vôi và bitum. Đá và gỗ rất hiếm.

2.1.2 Xã hội.

- Người Sumer là những cư dân đầu tiên của vùng Lưỡng Hà, những thành thị do người Sumer xây dựng đánh dấu sự tan rã của chế độ thị tộc hình thành nên một xã hội nông nghiệp đạt cực thịnh dưới triều vua Hammurabi. Cùng với sự sụp đổ của thành Babylon dưới sự xâm lược của người Assyria xã hội nông nghiệp được thay thế bằng một xã hội do giai cấp phong kiến quân phiệt hiếu chiến cầm quyền, thường xuyên đi xâm lược thu gom tài nguyên nhân lực từ các nước khác, đồng thời bóc lột hà khắc nhân dân trong nước để phục vụ cuộc sống xa hoa của giai cấp mình.

- Cư dân Lưỡng Hà không có niềm tin sâu sắc vào thần linh như người Ai Cập, tín ngưỡng của người Batur còn đơn giản hơn. Vì lý do đó các đền thờ vùng Tây Á có quy mô nhỏ, ít được chú ý bằng hình thức kiến trúc cung điện và thành quách.

- Nền kinh tế phồn vinh do của cải cướp bóc từ các cuộc xâm lược các nước khác và sự bóc lột nhân dân trong nước.

2.2 Các thời kỳ lịch sử.

- Thời kỳ Babylon (3000 - 1250 TCN): người Sumer ở phía Nam Lưỡng Hà xây dựng những thành thị đầu tiên đánh dấu sự tan rã của chế độ thị tộc (thành Ur, Warka....). Đây là thời kỳ của xã hội nông nghiệp nên ngoài thành quách, kiến trúc đền thờ rất phát triển, xuất hiện kiến trúc kiểu Ziggurat.

- Thời kỳ đế quốc Assyria (1250 - 612 TCN): đế quốc Assyria xây dựng thành Assur ở phía Bắc Lưỡng Hà. Đây là thời kì của chế độ quân phiệt hiếu chiến nên kiến trúc phòng thủ và cung điện rất phát triển, lần đầu tiên gạch tráng men được đưa vào sử dụng.

- Thời kỳ Tân Babylon (612 - 539 TCN): nghệ thuật kiến trúc thời kỳ này tiếp tục kế thừa và phát triển kinh nghiệm xây dựng , trang trí của thời kỳ trước trên quy mô lớn với công trình thành Babylon.

- Thời kỳ Ba Tư (539 - 331 TCN): vua Cyrus đại đế của Ba Tư cho xây kinh đô tại Persepolis. Kiến trúc thời kỳ này có hướng phát triển mới với việc sử dụng vật liệu đá cho nhiều thành phần kiến trúc.

2.3. Đặc điểm kiến trúc.

2.3.1 Kiến trúc Lưỡng Hà.

- Sử dụng kết cấu tường chịu lực, tường bằng gạch s ống xây dày bên ngoài ốp gạch nung; sử dụng vòm để khắc phục việc thiếu đá và gỗ. Tuy nhiên kỹ thuật xây vòm kém, chủ yếu là vòm nổi nên không gian hẹp và dài. Tường dày, không có cửa sổ, ánh sáng được lấy qua các cửa đi làm rất cao.

- Các công trình thường được xây trên nền cao để chống lụt, hướng công trình thường lệch so với trục B-N : 45 độ.

- Kiến trúc cung điện, đền đài phát triển hơn kiến trúc lăng mộ. Cung điện được xây theo kiểu tập trung quanh sân trong, đền đài xây theo kiểu Ziggurat.

- Chú ý đến việc trang trí cả bên trong lẫn bên ngoài nhà. Bên ngoài nhà ốp gạch men hoặc tạo các rãnh trang trí cho cả mảng tường lớn, các trang trí được thực hiện từ chân tường đến đỉnh tường. Bên trong nhà sử dụng sơn màu. Ngoài ra còn sử dụng tượng tròn súc vật thường là sư tử hoặc sư tử đầu người.

2.3.2 Kiến trúc Ba tư.

Tương tự như kiến trúc Lưỡng Hà nhưng do các điều kiện về vật liệu và văn hoá nên có một số điểm khác biệt sau:

- Sử dụng đá làm nhiều cột tạo ra các mặt bằng vuông có không gian lớn. Sử dụng mái bằng với hệ thống dầm gỗ trên lát đất sét trộn cỏ. Kỹ thuật xây vòm phát triển hơn với các loại vòm bán cầu, vòm buồm. Mở được cửa sổ nhờ hệ thống khung cửa bằng đá.

- Sử dụng nhiều trang trí bằng đá như cột đá, lan can đá Các chi tiết trang trí vừa mang phong cách Lưỡng Hà vừa mang phong cách Ai Cập, Hy Lạp bởi những người thợ từ các vùng này mang đến.

2.4 Các loại hình kiến trúc.

2.4.1 Kiến trúc tôn giáo: gồm có 2 loại: đền thờ và Ziggurat.

Đền thờ: được xây dựng chủ yếu vào thời kỳ xã hội nông nghiệp. Đây vừa là nơi thực hiện các hoạt động tín ngưỡng vừa là nơi tổ chức các sinh hoạt cộng đồng, trao đổi, buôn bán. Đền thờ chính được đặt ở vị trí cao nhất, các công trình phụ bao bọc xung quanh hình thành nên các sân hướng về đền thờ chính, giữa các sân có tường ngăn bao bọc.

Các công trình tiêu biểu: Đền Oval tại Khafaje, Đền thờ tại Ishchali.

Ziggurat: Ziggurat hay núi thiêng là dạng đền thờ phổ biến của cư dân Lưỡng Hà ra đời trên cơ sở sùng bái đồi núi, thuật chiêm tinh. Ziggurat bao gồm nhiều bậc, bậc nọ đặt lên bậc kia, càng lên trên càng nhỏ dần liên hệ với nhau bằng cầu thang hoặc đường dốc. Đền thờ chính đặt ở trên cùng, ngoài ra ở chân Ziggurat có thể có thêm các đền phụ.

Các công trình tiêu biểu: Đền thờ Trắng tại Warka, Ziggurat Urnammu, Ziggurat tại Tchoga Zanbil.

2.4.2 Kiến trúc thành lũy, cung điện: Dưới thời kỳ cai trị bởi tầng lớp quý tộc quân phiệt hiếu chiến, kiến trúc phòng thủ và cung điện phát triển mạnh. Các thành lũy Lưỡng Hà là mẫu mực cho lối kiến trúc phòng thủ thời bấy giờ với các tháp công nhô ra, đầu tường răng cưa để chiến đấu và cung điện vắt ngang thành để vừa đối phó với quân xâm lược, vừa đối phó với dân chúng trong thành.

Các công trình tiêu biểu: Thành Khorsabad (Lưỡng Hà), Thành Babylon (Lưỡng Hà), Cung điện tại Persepolis (Ba tư).

2.4.3 Kiến trúc lăng mộ: Do thiếu niềm tin sâu sắc vào kiếp sau, nên các lăng mộ Tây Á có kiến trúc đơn giản và quy mô nhỏ.

Các công trình tiêu biểu: Mộ Darius.

Chương 3: KIẾN TRÚC HY LẠP CỔ ĐẠI

(Kiến trúc AEGEAN 3000 - 1.100 TrCN)

(Kiến trúc HY LẠP CHÍNH THỐNG 650 - 30 TrCN)

3.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

3.1.1 Tự nhiên.

- Nằm bên bờ Địa Trung Hải và biển Aegean. Ngoài ra địa giới còn bao gồm cả Trung Âu, Nam Âu, Tiểu Á và Ai Cập. Với phạm vi lãnh thổ nói trên, Hy Lạp đã tiếp thu các tinh hoa của văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ba Tư.

- Có địa hình tự nhiên phong phú, các núi đá có hình khối sắc sảo, bờ biển lại quanh co khúc khuỷu đã ảnh hưởng đến một phong cách kiến trúc có đường nét dứt khoát và chính xác.

- Khí hậu ôn đới Địa Trung Hải, ánh sáng chan hòa thuận lợi cho khả năng biểu hiện hình khối kiến trúc. Với khí hậu ấm áp, dân chúng cảm thấy gắn bó với thiên nhiên và ưa thích các sinh hoạt ngoài trời

3.1.2 Xã hội.

- Kinh tế cổ Hy Lạp có ít dựa vào nông nghiệp mà phát triển hàng hải, thương mại thông qua đó tiếp thu thành tựu của các nền văn minh lân cận.

- Chế độ chiếm hữu nô lệ, với những hình thức tổ chức khác nhau tại mỗi thành bang: Athena với chính thể "Dân chủ chủ nô", Sparta với chính thể "Cộng hòa quý tộc" của các quý tộc quân sự.

- Người Hy Lạp theo đa thần giáo. Thần thoại Hy Lạp là sự nhân cách hóa các hiện tượng xã hội và tự nhiên, mang đậm tính chất nhân văn. Thần thoại Hy Lạp rất phát triển và là đất nuôi dưỡng nghệ thuật Hy Lạp phát triển.

- Cư dân Hy Lạp có năng khiếu nghệ thuật bẩm sinh. Họ đã đặt nền tảng cho sự phát triển của nhiều ngành nghệ thuật Châu Âu sau này.

3.2 Các thời kì lịch sử.

- Thời kỳ tiền Hy Lạp (3.000 - 1.100 TCN): kiến trúc bắt đầu phát triển từ ngoài đảo rồi chuyển dần vào đất liền. Kiến trúc thời kỳ này gọi chung là thời kỳ Aegean với 3 giai đoạn: Aegean, Crete và Mycenae.

- Thời kỳ Hy Lạp chính thống (650 - 30 TCN): là thời kỳ hoàng kim của nghệ thuật Hy Lạp với nhiều công trình nổi tiến còn lưu giữ các dấu vết cho đến ngày nay. Các giai đoạn kiến trúc của thời kỳ Hy Lạp chính thống gồm:

+ Giai đoạn cổ điển (Hellenic) (650 - 323 TCN): là giai đoạn đạt nhiều thành tựu quan trọng nhất, hình thành nên những chuẩn mực nền tảng của kiến trúc Hy Lạp.

+ Giai đoạn Hy Lạp hóa (Hellenistic) (323 - 30 TCN) với sự xâm lăng của Macedonia.

3.3 Đặc điểm kiến trúc và các công trình tiêu biểu.

- Thời kỳ tiền Hy Lạp:

+ **Giai đoạn Aegean:** phát triển tại các đảo vào thời kỳ đồ đồng, không để lại dấu tích cho đến ngày nay.

+ **Giai đoạn Crete:** hiện còn tồn tại các cung điện với đặc điểm:

- Công trình phát triển cả chiều rộng lẫn chiều cao, có lầu với các cầu thang, mái bằng, các phòng kế tiếp nhau quanh sân trong nhỏ.

- Trang trí nhiều bằng sơn.

- Có hệ thống cấp thoát nước.

Công trình tiêu biểu: cung vua Minos ở Knossos

+ **Giai đoạn Mycenae:** nền văn minh chuyển lên đất liền nên nguy cơ bị xâm lược đe dọa nhiều hơn, kiến trúc nặng tính phòng thủ.

Công trình tiêu biểu: Lâu thành Tiryns, Kho báu của Atreus.

- Thời kỳ Hy Lạp chính thống:

Trong thời kỳ nổi bật nhất là giai đoạn cổ điển hay còn gọi là giai đoạn Hellenic (TK V, IV TCN) với các đặc điểm sau

+ Xuất hiện loại hình kiến trúc công cộng: quảng trường tôn giáo (Acropolis), quảng trường thương mại (Agora), đền thờ, nhà hát, kịch trường, phòng nghị sự, sân vận động...

+ Xử lý hình thức bên ngoài công trình đạt trình độ nghệ thuật cao: Phân vị đường nét, gờ chỉ hài hòa duyên dáng. Biết vận dụng thị sai, màu sắc, sáng tối. Đây là thời kỳ của cái đẹp và sự hài hòa.

+ Hình thành hệ thống thức cột cổ điển: Doric, Ionic, Corinthian.

+ **Cấu tạo:** chủ yếu sử dụng hệ dầm, tường cột với vật liệu xây dựng là tường cột bằng đá, vì kèo gỗ, ngói đá. Vật liệu đá đã cho kiến trúc cổ Hy Lạp một phong cách đẹp tựa điêu khắc tuy nhiên sự phát triển về số lượng có hạn chế.

3.4 Các loại hình kiến trúc (của thời kỳ Hy Lạp chính thống).

3.4.1 Kiến trúc tôn giáo: Đền thờ Hy Lạp ngoài chức năng thờ cúng còn là nơi sinh hoạt công cộng với các đặc điểm sau:

- Có bậc thang bao bọc xung quanh.
- Mặt chính quay về hướng Đông, mặt trời chiếu vào bàn thờ trong nhà.
- Thường xây dựng thành quần thể ở vị trí cao nhất trong thành phố.

Công trình tiêu biểu: Quần thể Acropolis Athens.

3.4.2 Kiến trúc biểu diễn: ngoài mục đích biểu diễn công trình còn là nơi hành lễ tôn giáo, thường được xây dựng lộ thiên dựa vào sườn núi.

Công trình tiêu biểu: Kịch trường Epidauros.

3.4.3 Kiến trúc hành chính: Do yêu cầu của nền dân chủ chủ nô nên nhu cầu hội họp làm phát sinh nhiều loại công trình như: phòng họp của những người trúng cử, phòng họp công chúng và người ứng cử...

3.4.4 Kiến trúc thể dục thể thao: Sân vận động, Trường đua ngựa, Trường đua, Trường dạy thể dục thể thao.

3.4.5 Kiến trúc lăng mộ: Lăng mộ nổi tiếng nhất trong các lăng mộ là lăng Mausoleum tại Halicarnassos, từ đó từ mausoleum trở thành từ chỉ chung các công trình lăng mộ.

3.4.6 Kiến trúc nhà ở và cung điện: Cung điện thời Hy Lạp cổ đại ít được chú ý tới. Người Hy Lạp chủ yếu sinh hoạt tại nơi công cộng và các đền đài, vì vậy nhà ở cũng rất khiêm tốn. Các công trình ở thường được xây dựng phát triển theo chiều cao (2 tầng), mặt bằng gồm các phòng bao quanh các sân trong nhỏ.

Chương 4: KIẾN TRÚC LA MÃ CỔ ĐẠI (300 TCN - 365 SCN).

4.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

4.1.1 Tự nhiên.

- Là bán đảo ở vị trí trung tâm Địa Trung Hải, bờ biển thẳng, ít bị chia cắt bởi các vịnh, tạo điều kiện giao lưu thuận lợi, dễ dàng thống nhất quốc gia. Phạm vi địa giới của đế quốc La Mã bao gồm toàn bộ vùng xung quanh Địa Trung Hải: Trung và Nam Âu, Tây Á, Bắc Phi.

- Địa hình tương đối bằng phẳng hơn so với Hy Lạp, phong cảnh trữ tình.

- Vật liệu xây dựng phong phú: đất sét làm gạch, có nhiều đá thiên nhiên dễ khai thác và gia công, beton núi lửa (tro núi lửa trộn với cát).

- Khí hậu ôn đới Địa Trung Hải.

4.1.2 Xã hội.

Xã hội chiếm hữu nô lệ trải qua nhiều thời kỳ biến động.

+ Thời kỳ Etruscan: Chính quyền chuyên chế, chọn vua qua bầu cử.

+ Thời kỳ cộng hòa chiếm hữu nô lệ: Chế độ cộng hòa được thành lập, quyền lãnh đạo được giao cho Viện nguyên lão đứng đầu là hai quan chấp chính.

+ Thời kỳ đế quốc La Mã: Năm 47 Tr.CN, Julius Caesar là một trong hai quan chấp chính thành lập nền độc tài, lên ngôi Hoàng đế, củng cố phát triển đế quốc La Mã sau nhiều cuộc cải cách xã hội và chính trị quan trọng.

4.2 Các thời kỳ lịch sử.

- **Thời kỳ Etruscan (750 – 100 TCN):** là giai đoạn sơ khởi của nền văn minh La Mã mang những đặc điểm sau:

- Quy hoạch theo hình học, có hệ thống hạ tầng.

- Phát triển các dạng lăng mộ đá.

- Hình thành những nét đặc trưng cho đền thờ La Mã sau này.

- **Thời kỳ cộng hòa La Mã (100 TCN - 30 SCN):** Kiến trúc chủ yếu phát triển tại Trung Italia. Cùng với việc chinh phục xong Hy Lạp là quá trình Hy Lạp hoá văn hoá và kiến trúc. Vật liệu xây dựng từ gạch mộc, đá thô, thay dần bằng beton, đá

cẩm thạch, đá hoa cương. Các thành phố theo kiểu doanh trại và các công trình quốc phòng, hạ tầng được xây dựng.

- **Thời kỳ đế quốc La Mã** (30 SCN - 365 SCN): dưới chế độ chuyên chế, nghệ thuật phát triển cao nhưng suy dần về sau với những đặc điểm sau:

- + Qui mô to lớn, phô trương, xa hoa lộng lẫy.
- + Kỹ thuật beton, vòm cuốn + vì kèo rất phát triển.
- + Các thức cột Toscan, Doric, Ionic, Corinthian được dùng phổ biến.

Đây chính là thời kỳ của các công trình nổi tiếng: đấu trường Colosseum, nhà tắm Caracalla, đền Pantheon..

4.3 Đặc điểm kiến trúc.

- Chịu ảnh hưởng rất mạnh của Hy Lạp.
- Công trình nhiều về số lượng, quy mô to lớn, đồ sộ, hình thể vĩ đại phô trương uy quyền, đa dạng về chủng loại nhưng tỉ lệ thô và kém so với Hy Lạp.
- Xuất hiện các thức : Toscan, Doric, Ionic, Corinthian, Composite.
- Kiến tạo: sự phát triển của kỹ thuật xây dựng: beton, vòm cuốn + vì kèo gỗ, xây gạch ốp lát đá, kết cấu đá..
- Sự hài hòa giữa kết cấu và hình thể tạo nên không gian nội thất đa dạng.

4.4 Các hình loại kiến trúc tiêu biểu.

4.4.1 Kiến trúc tôn giáo: Người La Mã cũng theo đa thần giáo như người Hy Lạp vì vậy đền thờ rất phát triển. Các đền thờ này vừa chịu ảnh hưởng của kiến trúc Hy Lạp vừa chịu ảnh hưởng của kiến trúc Etruscan với nhiều hình thức phong phú.

Công trình tiêu biểu: Đền thờ Pantheon, Đền Maison Carrée - Pháp, Đền Venus và Rome - Rome, Đền Jupiter tại Baalbek - Lebanon.

4.4.2 Kiến trúc thể thao: gồm các đấu trường được xây dựng lại nhiều nơi trên đế quốc La Mã, tại chính quốc Italia và các thuộc địa tại Pháp, Bắc Phi và các trường đua ngựa.

Công trình tiêu biểu: Đấu trường Colosseum, Trường đua ngựa Maximus.

4.4.3 Kiến trúc Basilica: các công trình kiến trúc phục vụ đời sống công cộng hằng ngày phổ biến trong đế quốc La Mã là các Basilica. Basilica vừa là tòa án, nơi hội họp công cộng, buôn bán và là tiền thân của nhà thờ Thiên chúa giáo.

Công trình tiêu biểu: Basilica Trajan, Basilica Constantine.

4.4.4 Kiến trúc nhà tắm: Nhà tắm La Mã là nơi gặp gỡ cộng đồng, tắm và thể tập luyện thân thể. Tại La Mã, nhà tắm là những công trình đồ sộ, có dây chuyền công năng chặt chẽ, với hệ thống cấp thoát nước có trình độ kỹ thuật cao.

Công trình tiêu biểu: Nhà tắm Caracalla, Nhà tắm Diocletian.

4.4.5 Kiến trúc nhà hát kịch: Nhà hát La Mã có nhiều đặc điểm và thành phần tương tự nhà hát kịch Hy Lạp. Tuy nhiên, có sự thay đổi về sự tương quan giữa sân khấu và khán giả cũng như việc áp dụng nhiều kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng âm thanh.

Công trình tiêu biểu: Nhà hát kịch Marcellus.

4.4.6 Kiến trúc kỷ niệm: Để ghi nhớ các chiến tích của các hoàng đế, tướng lĩnh trong các cuộc chiến tranh chinh phục các vùng đất mới của đế quốc La Mã. Các loại công trình kỷ niệm phổ biến dưới thời La Mã là cột kỷ niệm và Khải hoàn môn.

Công trình tiêu biểu: Cột Trajan, Khải hoàn môn Titus, Khải hoàn môn Septimus.

4.4.7 Kiến trúc lăng mộ: Người chết được chôn dọc theo hai bên đường ngoài ô hoặc hầm mộ có nguồn gốc là các hầm khai thác đá. Các hoàng đế và danh nhân lại được chôn theo lăng mộ.

Công trình tiêu biểu: Lăng của hoàng đế Hadrian.

4.4.8 Kiến trúc hạ tầng kỹ thuật: Kỹ thuật xây dựng vào thời La Mã đã có những bước tiến vượt bậc so với các thời kỳ trước nó. Các công trình kỹ thuật hạ tầng như đường giao thông, hệ thống thoát nước... đã thể hiện trình độ văn minh cao của các đô thị La Mã. Tiêu biểu cho các công trình hạ tầng kỹ thuật này là hệ thống cầu dẫn nước cung cấp một khối lượng nước rất lớn sử dụng cho sinh hoạt, các nhà tắm, vòi phun...

Công trình tiêu biểu: Cầu dẫn nước Pont du Gard tại Nimes.

4.4.9 Kiến trúc nhà ở: Nhà ở thời cổ La Mã là những mẫu mực thực sự cho cả đến ngày nay. Hình thức bố cục, mối liên hệ giữa các bộ phận, cách thông gió, chiếu sáng cho đến nay vẫn được vận dụng cho các kiểu nhà hiện đại. Các ngôi nhà này được hiểu rõ qua các di tích được tìm thấy và bảo tồn ở thành phố Pompei. Nhìn chung, nhà ở La Mã có 3 loại nhà ở chính: nhà riêng ở thành phố (Domus), nhà ở ngoại ô (Villa), nhà chung cư (Insula).

Công trình tiêu biểu: Nhà của Pansa tại Pompei, Chung cư tại thành phố cảng Ostia, Chung cư tại Rome.

Chương 5: KIẾN TRÚC BYZANTINE (330 - 1453 SCN).

5.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

5.1.1 Tự nhiên.

- Vùng bán đảo Tiểu Á nguyên là thuộc địa Hy Lạp, sau bị La Mã chiếm đóng. Năm 330 hoàng đế Constantius dời đô về thành phố trên eo biển Bosphorus thuộc Byzantium và đổi tên là Constantinopole. Kiến trúc phát triển theo phong cách La Mã nhưng chịu ảnh hưởng nhiều đặc điểm Phương Đông.

- Vật liệu xây dựng chủ yếu là đá vụn làm cốt liệu đổ beton núi lửa, đất sét tốt để làm gạch trong khi đá tốt rất hiếm hoi, phải nhập cảng. Kết quả là các kiến trúc xuất hiện dưới hình thức xây gạch, ốp gạch men, đá, một số cấu kiện quan trọng như cột được xây dựng bằng đá, còn các mái vòm bằng bê tông núi lửa.

- Khí hậu nóng hơn châu Âu, vì vậy cửa sổ mở ít và bố trí trên cao. Kiến trúc thường có sân trong và hành lang cột chống nóng.

5.1.2 Xã hội:

- Xã hội chiếm hữu nô lệ như dưới thời đế quốc La Mã với người đứng đầu là Hoàng đế.

- Đạo Thiên Chúa giáo được công nhận và trở thành quốc giáo. Các thành tựu kiến trúc được vận dụng phục vụ đắc lực cho mục đích tôn giáo này.

5.2 Đặc điểm kiến trúc.

- Do ảnh hưởng của tập quán xây dựng Phương Đông nên sử dụng vòm nhiều: vòm nôi, vòm bán cầu, 1/4 cầu, vòm bán cầu trên các vòm buồm làm mái che trên các mặt bằng vuông.

- Trang trí: bên ngoài thô sơ nhưng bên trong rườm rà. Tường xây gạch để nguyên không tô vữa, nhưng có thể tạo ra những mô típ trang trí bằng cách xây hoặc thủng thoáng xen những hàng đá ... Bên trong ốp gạch mozaic cần vàng bạc, dùng nhiều tranh tường.

5.3 Các loại hình kiến trúc.

Do phục vụ mục đích tôn giáo, loại hình kiến trúc tiêu biểu vào thời kỳ này là các nhà thờ. Nhà thờ theo kiểu Byzantine với đặc trưng là mặt bằng chữ thập Hy Lạp, 4 cánh bằng nhau, giữa có vòm bán cầu và 4 vòm phụ ở bốn nhánh. Kiến trúc Byzantine quan niệm rằng không gian chính để tụ họp con chiên trong nhà thờ là

không gian hướng tâm thay cho không gian theo kiểu tuyến tính của các nhà thờ xây dựng theo kiểu Basilica truyền thống.

Công trình tiêu biểu: Nhà thờ Saint Sophia tại Constantinople, Nhà thờ Saint Vitale tại Ravenna, Nhà thờ Saint Mark tại Venice.

Chương 6: KIẾN TRÚC ROMANESQUE (Tk IX – Tk XII).

6.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

6.1.1 Tự nhiên.

- Đế quốc Tây La Mã và Đông La Mã sụp đổ, năm 800 SCN đế quốc Roman được thành lập trên một số vùng ảnh hưởng của đế quốc La Mã cũ ở Châu Âu. Phạm vi ảnh hưởng của kiến trúc Roman nằm ở Châu Âu, tập trung ở các vùng thuộc nước Đức, Bắc Tây Ban Nha, Bắc Italia, nước Anh, và nhất là ở phía Bắc nước Pháp.

- Địa chất và vật liệu xây dựng mang tính địa phương từng vùng nhưng nói chung là dùng nhiều gạch và đá hoa cương. Ở thời kỳ đầu có phong trào tháo dỡ vật liệu từ các công trình La Mã để dùng lại.

6.1.2 Xã hội.

- Là xã hội Phong kiến phân quyền, nô lệ đã trở thành nông nô. Lúc này tồn tại song song hai quyền hành: đã có ảnh hưởng lớn tới công việc xây dựng. Đó là:

+ Vua và lãnh chúa: đã ra sức xây dựng các thành lũy để bảo vệ lãnh địa của mình. Cung điện, lâu đài quý tộc được xây theo kiểu lâu thành để chống sự xâm lăng của lãnh chúa khác cũng như các cuộc nổi dậy của nông dân.

+ Giáo hội ra sức xây dựng hệ thống nhà thờ, tu viện và khống chế mọi hoạt động trong xã hội.

- Tình trạng cát cứ theo địa phương của chế độ phong kiến phân quyền đã làm cho phong cách kiến trúc mang màu sắc địa phương và có phần buồn tẻ.

6.2 Đặc điểm kiến trúc.

- Ban đầu, do có phong trào dùng lại vật liệu từ các công trình La Mã cổ nên kiến trúc còn mang phong cách La Mã rõ rệt, có thể coi đó là thời kỳ Roman sơ khởi. Đến thế kỷ X, hệ kết cấu đặc thù của kiến trúc Roman mới hình thành rõ nét. Nhìn chung, tinh thần của kiến trúc Roman thể hiện ở khuynh hướng nhấn mạnh và gắn bó chặt chẽ các thành phần kết cấu với nhau để có được một tổng thể bố cục thống nhất.

- Hệ kết cấu phổ biến là hệ cung, vòm trên tường chịu lực. Dùng nhiều loại vòm như vòm nôi, vòm bán cầu, nhất là loại vòm tạo ra bởi sự giao nhau của hai vòm nôi. Sử dụng kết hợp vì kèo và vòm để lợp mái. Dùng tường dày chịu lực xây bằng gạch hay đá chẻ, tăng cường bằng bổ trụ và tường chống. Các cửa sổ và cửa đi hẹp và nhỏ vì sợ làm yếu kết cấu dẫn đến không gian bên trong tối tăm.

- Về nghệ thuật. đặc điểm dễ nhận thấy và nổi bật là việc sử dụng các cung nguyên cho các cung vòm chịu lực cũng như cửa sổ, cửa đi. Bên ngoài phần lớn là sơ sài, lại chủ yếu dùng vật liệu địa phương nên phong cách có phần đơn điệu và buồn tẻ. Sức biểu hiện được đầu tư vào cấu trúc chung, tìm vẻ trang nghiêm ở mặt bằng có nhiều phần nhô ra hoặc các khối có vươn lên cao. Bên trong sử dụng nhiều điều khác và tiêu tiết trang trí, sơn và tranh vẽ.

6.3 Các loại hình kiến trúc.

6.3.1 Kiến trúc Nhà thờ Thiên Chúa giáo.

Nhà thờ Thiên Chúa giáo thời Roman có đặc điểm sau:

+ Mặt bằng: Lập lại mặt bằng kiểu Basilica nhưng có cánh hai bên tạo thành chữ thập Latin, là biểu tượng của đạo Thiên Chúa giáo. Gian chính rộng gấp đôi gian phụ và rộng bằng gian chính của cánh, tạo thành phần giao nhau hình vuông. Bàn thờ thường nằm về phía đông và lối vào chính hướng về phía tây.

+ Mặt cắt: Gian giữa là vòm hoặc vòm kết hợp với hai gian bên là vòm, vòm, bán vòm hoặc bán vòm + gác lửng.

+ Mặt đứng chính phía trước thường có 3 cửa vào tương ứng với gian giữa và gian phụ hai bên. Các gác chuông này thường bố trí trên mặt chính, thường có một đến hai tháp, mặt bằng vuông hay đa giác, có các cửa sổ và phân vị ngang cho thấy rõ tầng nhà.

Công trình tiêu biểu: Quần thể nhà thờ Pisa tại Italia, Nhà thờ Worms tại Đức.

6.3.2 Kiến trúc phòng thủ.

Do tình trạng cát cứ địa phương, kiến trúc phòng thủ dưới dạng các lâu thành là một phần quan trọng trong kiến trúc thời kỳ Roman. Lâu thành còn là dinh thự của các lãnh chúa phong kiến, được xây dựng ở vị trí then chốt có thể khống chế cả một vùng như đồi cao, nơi giao lộ, bờ biển...

Chương 7: KIẾN TRÚC GOTHIC (Tk XII – Tk XVI)

7.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

7.1.1 Tự nhiên.

Cũng như nền kiến trúc Roman, kiến trúc Gothic phát triển trên một phạm vi rộng rãi của Châu Âu xuất phát từ Trung Âu, mà trung tâm ở Pháp. Hoàn cảnh tự nhiên trên toàn phạm vi Châu Âu mỗi nơi một khác nhưng không có thay đổi lớn, rõ ràng bước thay đổi lớn từ Roman qua Gothic phải giải thích bằng nguyên nhân ở các tác nhân trong lĩnh vực xã hội.

7.1.2 Xã hội.

- Quyền lực của Giáo hội trở nên rất mạnh mẽ và đang thịnh kỳ. Giáo hội có vai trò rất quan trọng trong xã hội nhờ không chế dân chúng đang ở thời kỳ rất sùng đạo, tầng lớp tăng lữ trở thành lãnh chúa bóc lột nông nô. Trong hoàn cảnh đó kiến trúc tôn giáo phát triển rất mạnh.

- Quyền lực của vua chúa phong kiến trở nên ổn định hơn. Vua chúa dựa vào giáo hội để tăng cường quyền lực của mình. Xã hội phong kiến từ phân quyền tiến lên tập quyền đưa lại sự ổn định hơn cho quyền lực nhà vua cũng như trật tự xã hội.

- Mầm mống của chủ nghĩa tư bản xuất hiện. Nền sản xuất hàng hóa dần thay thế kinh tế tự cung cấp, nhiều thành phố giành được quyền tự trị, các tầng lớp tư sản nhỏ và tiểu chủ tham gia các sinh hoạt công cộng tạo điều kiện cho kiến trúc công cộng phát triển. Việc thành lập các phường hội xây dựng làm cho khả năng và kỹ thuật thi công trở nên phát triển hơn.

7.2 Đặc điểm kiến trúc.

- Độc đáo, sáng tạo, không sao chép quá khứ (kiến trúc Hy-La).

- Hợp lý, chặt chẽ, mặt đứng và hình thức bên ngoài miêu tả chân thực mặt cắt, mặt bằng và đặc biệt là hệ kết cấu.

- Phong cách đặc sắc với những đường nét thanh thoát nhẹ nhàng vút lên cao do những biện pháp tạo hình sau:

+ Sử dụng cung gãy, cho cảm giác hướng lên cao. Cung gãy được coi là có nguồn gốc từ kiến trúc Hồi giáo, do các chiến sĩ thập tự chinh đem về.

+ Mở nhiều cửa rộng nhờ có hình thức kết cấu mới, tạo nên nội thất bên trong chan hòa ánh sáng.

+ Công trình cao đồ sộ nhưng tỷ xích vẫn hài hòa với con người nhờ nhiều chi tiết tinh xảo, thành phần kiến trúc có kích thước gần gũi con người.

- Đặc điểm của hệ kết cấu:

+ Tường xây mỏng, cửa mở rộng, vai trò chịu lực được chuyển sang hệ khung sườn bên ngoài.

+ Hệ khung sườn chịu lực gồm: cung gẫy - cuốn bay - cột chống. Hệ chịu lực này cho phép công trình trở nên nhẹ nhàng, tiết kiệm và vươn cao hơn.

+ Các thành phần kết cấu chia không gian của nhà thờ Gothic thành ba phần chính: cửa sổ thấp hay hàng cuốn - cửa sổ giữa - cửa sổ cao.

7.3 Các thời kỳ phát triển của kiến trúc Gothic.

Sự phát triển của kiến trúc Gothic được chia 5 thời kỳ gồm hai thời kỳ chuyển tiếp và 3 thời kỳ Gothic chính thống.

+ Thời kỳ chuyển tiếp từ Roman qua Gothic (nửa cuối Tk XII): Thời kỳ này, kiến trúc còn mang nhiều đặc điểm Roman, điển hình là việc còn sử dụng cung nguyên.

+ Thời kỳ Gothic chính thống thứ 1 (thế kỷ XII): Đây là thời kỳ Gothic hoàn chỉnh, đã sử dụng cung gẫy hình lưới móc.

+ Thời kỳ Gothic chính thống thứ 2 (thế kỷ XIV): Đặc điểm nổi bật là phần cửa sổ giữa có cửa sổ tròn với những nan hướng tâm, gọi là cửa sổ hoa hồng.

+ Thời kỳ Gothic chính thống thứ 3 (thế kỷ XV): Kiến trúc trở nên rắc rối và cầu kỳ. Sử dụng cung quai giỏ, chạm trổ nhiều nhánh lá giống như ngọn lửa.

+ Thời kỳ chuyển tiếp Gothic qua Phục Hưng (nửa đầu thế kỷ XVI): Vẫn còn mang các đặc điểm chính của kiến trúc Gothic nhưng dần dần chuyển qua thời kỳ Phục Hưng, với sự xuất hiện nhiều chi tiết kiến trúc La Mã.

Kiến trúc Gothic đã lan truyền qua nhiều nước Châu Âu nhưng đỉnh cao của sự phát triển vẫn là ở Pháp với nhiều trường phái khác nhau theo các địa phương.

7.4 Các loại hình kiến trúc tiêu biểu.

7.4.1 Kiến trúc tôn giáo.

Kiến trúc Gothic với loại hình kiến trúc tiêu biểu là các nhà thờ đã biến nó thành biểu tượng của đạo Thiên Chúa.

Công trình tiêu biểu: Nhà thờ Đức Bà tại Paris, Nhà thờ Rheims.

7.4.2 Kiến trúc dân sự.

Cùng với sự hình thành những mầm mống đầu tiên của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản đã cho xây dựng những công trình công cộng biểu trưng cho giai cấp mình là các toà thị chính như một đối trọng với nhà thờ của giáo hội.

Công trình tiêu biểu: Cung Tổng đốc Venice.

Chương 8: KIẾN TRÚC PHỤC HƯNG ITALIA (Tk XV- TkXIX)

A. Các ảnh hưởng xã hội vào thời kỳ Phục Hưng.

- Nền văn hóa sau thời gian dài Trung Cổ bị chìm trong các thế giới tối tăm và rất hạn chế của tôn giáo đã đòi hỏi sự thay đổi. Vào thế kỷ VX - XIX tại Châu Âu xuất hiện hai phong trào cải cách lớn: Phong trào Cải cách tôn giáo và Phong trào Văn hóa Phục Hưng (phục hưng văn hoá Hy - La cổ đại).

- Bắt đầu vào thế kỷ XVI các thành bang nhỏ tập trung thành vương quốc lớn hình thành các nhà nước phong kiến tập quyền, tạo điều kiện cho xã hội phát triển hơn phong kiến phân quyền, đồng thời hình thành các đội quân lớn, sức công phá xã hội mạnh hơn.

- Phong trào Văn hóa Phục Hưng ra đời đầu tiên tại Italia do tại đây có những thành phố như những quốc gia riêng, xây dựng xã hội theo quan hệ sản xuất tư bản. Đồng thời Italia là quê hương của văn hóa Hy - La với nhiều tác phẩm được đưa ra ánh sáng trong có các tác phẩm lý luận về kiến trúc của Vitruvius viết thời Augustus.

- Bản chất của phong trào Văn hoá Phục Hưng văn hoá cổ đại Hy- La: Giai cấp Tư sản Cận đại đã tìm thấy trong văn hóa cổ đại những tư tưởng chính trị và xã hội giống mình, có lợi cho mình chống lại giai cấp phong kiến, bảo vệ mình và tranh thủ cảm tình của nhân dân.

B. Đặc điểm chung của nền kiến trúc Phục Hưng.

- Phát triển xây dựng dân dụng.

- Mặt bằng: tổ hợp trên cơ sở những trục hình học, thường là đối xứng.

- Mặt đứng: sử dụng các thức cột Hy-La đã được tiêu chuẩn hóa.

- Phong cách: phong cách nặng nề, u tối của kiến trúc Roman và tính chất đầy gai góc của kiến trúc Gothic được thay bởi tính êm đềm duyên dáng.

- Trang trí : sử dụng nhiều vòm, cung tròn, elipse, bán cầu, chi tiết lan can con tiện, tường tô nhám... Dùng nhiều đá, kim loại, tranh lộng lẫy.

C. Kiến trúc Phục Hưng Italia.

8.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

8.1.1 Xã hội.

Italia là nơi có những hoàn cảnh đặc biệt, thuận lợi nhất để cho phong trào văn hóa Phục Hưng phát triển sớm nhất Châu Âu:

- + Là nơi mà chế độ phong kiến chưa bao giờ vững vàng.
- + Là quê hương của nghệ thuật Hy - La cổ đại.
- + Các thành phố che chở cho các nghệ sĩ sáng tác.
- + Là nơi xuất hiện nhiều nhân tài, nghệ sĩ toàn năng về khoa học và nghệ thuật như: Leonardo Da Vinci, Michelangelo, Raphaelo, Alberti Michelozzo, Bramante, Bernini...

8.1.2 Tự nhiên.

Italia vẫn là nơi có nhiều mỏ đá và vật liệu xây dựng tốt với các mỏ đá tại Florence, Tivoli(Rome)... và đất sét làm gạch tại Turin, Milan, Venice.

Khí hậu 3 vùng dẫn đầu trong phong trào kiến trúc Phục Hưng bao gồm Florence ở miền bắc, Venice ở miền bắc nhưng gần biển và Rome ở miền trung Italia mang những đặc điểm khác nhau ảnh hưởng đến kiến trúc:

- + Florence: Thuộc vùng Toscana, ấm nóng, ít tuyết, ít mưa nên kiến trúc có cửa sổ không quá rộng, có sân trong có hàng cột, mái đua, mái nhà ít dốc.

- + Rome: Nóng hơn Florence và nhiều nắng nên kiến trúc có cửa nhỏ, tường dày, đường phố hẹp.

- + Venice: Lạnh hơn Florence, hè không nắng lắm và có gió biển, vì vậy nhà thường có sân thượng và bao lơn để hóng mát làm ở phần cao nhất, thường thường các sân thượng có vườn hoa.

8.2 Các thời kỳ phát triển của kiến trúc Phục Hưng Italia.

Phong trào kiến trúc Phục Hưng ở Italia được bắt đầu bằng việc Filippo Brunelleschi thiết kế và xây dựng mái vòm nhà thờ Florence.

Kiến trúc Phục Hưng Italia có thể chia làm ba giai đoạn:

- + Giai đoạn 1: Florence + Thượng Italia dẫn đầu (Tk XV - TkXVI).

- + Giai đoạn 2: Rome + Venice dẫn đầu (nửa sau Tk XVI).

- + Giai đoạn 3: chuyển sang phong cách Baroque.

8.3 Đặc điểm kiến trúc và các công trình tiêu biểu của mỗi thời kỳ.

8.3.1 Giai đoạn 1: Florence + Thượng Italia.

Đặc điểm kiến trúc: vào thời kỳ này, các đặc điểm kiến trúc điển hình được thể hiện chủ yếu ở các lâu đài của các gia đình quyền quý được xây dựng rất nhiều.

- + Bố cục mặt đứng đơn giản: Dùng các băng ngang chia rõ các tầng và

các thức tạo nhịp điệu. Có gờ nhô ra trên đỉnh tường, học tập từ kiến trúc cổ Hy-La.

+ Dùng đá đẽo có mặt lồi và nhám ốp tường, càng lên trên càng nhỏ và mịn hơn cho cảm giác vững chắc tạo nên vẻ đẹp cấu trúc.

+ Tầng trệt mở cửa sổ nhỏ, các tầng trên sử dụng cửa sổ đôi cuốn tròn.

Các kiến trúc sư nổi tiếng ở giai đoạn là: Brunelleschi, Michelozzo, Alberti.

Công trình tiêu biểu: Các lâu đài tại Florence: Lâu đài Riccardi, Lâu đài Pitti, Mái vòm nhà thờ Florence.

8.3.2 Giai đoạn 2: Rome.

Đặc điểm kiến trúc:

+ Nửa đầu Tk XVI: Xuất hiện trường phái do Michelangelo đứng đầu cho rằng các giai đoạn trước lạm dụng điêu khắc, nay chỉ dùng bộ phận của kiến trúc để trang trí, tạo dựng các mặt đứng.

+ Nửa sau Tk XVI: Xuất hiện những lý luận và thực nghiệm xây dựng của Palladio.

Công trình tiêu biểu: Quảng trường Capitol, Villa Capra.

8.3.3. Giai đoạn 3: Baroque.

Bản chất của nghệ thuật Baroque: Các KTS tự tin vào khả năng làm chủ việc sáng tạo tác phẩm của mình đã chủ trương thoát khỏi những quy luật nghiêm ngặt của nghệ thuật Hy - La, sử dụng chất hồ tạo nhiều trang trí phức tạp hơn.

Các kiến trúc sư nổi tiếng ở giai đoạn là: Bernini, Bramante, Michelangelo, Raphaelo...

Đặc điểm kiến trúc:

+ Mang màu sắc của chủ nghĩa hình thức và thủ pháp.

+ Quan hệ không gian phức tạp (hay có góc cong, mặt cong, hình elip).

+ Dùng nhiều đường nét uốn cong, đôi khi rắc rối thường có nhiều hoa lá trang trí, cánh cuốn...

Công trình tiêu biểu: Quần thể nhà thờ Saint Peter - Rome.

Chương 9: KIẾN TRÚC PHỤC HƯNG PHÁP (Tk XVI- Tk XIX).

9.1 Các ảnh hưởng xã hội.

- Thời kỳ Vương quyền phát triển. (Tk XVI- Tk XVI).

+ Quyền hành vào tay nhà Vua một cách tập trung và chuyên chế với sự thỏa thuận của Giáo hoàng, giai cấp Tư sản thỏa hiệp với Quý tộc.

+ Trào lưu nghệ thuật lúc này là Phục Hưng Pháp: là văn hóa tư sản nhưng mang tính chất quý tộc. Nghệ thuật nhân văn với tư tưởng vui đời, chế nhạo chủ nghĩa khổ hạnh tăng lữ phát triển.

- Thời kỳ Vương quyền chuyên chế: (Tk XVII- đầu Tk XIX).

+ Chủ nghĩa Tư bản đã phát triển. Giai cấp Tư sản ban đầu chống lại Vua, sau quay ra thỏa hiệp giúp cho Vua củng cố lại được chính quyền quân chủ chuyên chế. Nhà nước Pháp trở lại thành trung tâm văn hóa Châu Âu, cung đình Pháp thành trung tâm của tầng lớp thượng lưu trong xã hội.

+ Trào lưu nghệ thuật ở giai đoạn này: Chủ nghĩa Kinh điển Pháp.

9.2 Các thời kỳ phát triển của kiến trúc Phục Hưng Pháp.

- Giai đoạn 1 (Tk XVI): Thời kỳ Sơ khởi + Phục Hưng chính thống.

- Giai đoạn 2 (Tk XVI - Tk XVIII): Thời kỳ Chủ nghĩa Kinh điển Pháp, lúc này cũng đồng thời bắt đầu ảnh hưởng Baroque.

- Giai đoạn 3 (Tk XVIII - đầu Tk XIX): (1715-1830): Hậu kỳ, ảnh hưởng Baroque.

9.3 Đặc điểm kiến trúc và các công trình tiêu biểu của mỗi thời kỳ.

9.3.1 Giai đoạn 1: Thời kỳ Sơ khởi + Phục hưng Pháp chính thống.

Đặc điểm kiến trúc: Giai đoạn này được chia làm 3 giai đoạn nhỏ sau đây:

+ 1492-1513: xây dựng theo kiểu Gothic nhưng trang trí theo kiểu Phục Hưng với việc xây dựng các lâu đài do nhiều KTS Italia sang làm việc tại Pháp.

Công trình tiêu biểu: Lâu đài Chenonceaux, Lâu đài Chambord.

+ 1531-1560: Các nghệ sĩ Pháp đã chủ động sáng tác và bắt chước Italia, chịu nhiều ảnh hưởng của nghệ thuật Hy - La cổ đại.

Công trình tiêu biểu: một phần Cung điện Louvre.

+ 1560-1586: Thiên về trang trí, nghệ thuật kiến trúc xuống dốc.

9.3.2 Giai đoạn 2: Thời kỳ Chủ nghĩa Kinh điển Pháp.

Chủ nghĩa Kinh điển Pháp phát triển vào thời kỳ chế độ Quân chủ chuyên chế và Chủ nghĩa Tư bản phát triển, Paris là trung tâm văn hóa Châu Âu. Nhà Vua chủ trương phát triển kỹ thuật và nghệ thuật tạo ra các công trình thủ công nghiệp hoàng gia và học viên nghệ thuật hoàng gia, đào tạo nên một lớp học giả cung đình theo đường lối hàn lâm, chính luận.

Đặc điểm kiến trúc: Thuần túy nghệ thuật, KTS có nhiệm vụ tổ hợp trên cơ sở các thức kiến trúc cổ điển. Tinh hoa của nghệ thuật kinh điển là: hoa viên và cung điện.

Công trình tiêu biểu: Cung điện Luxembourg, một phần Cung điện Louvre, Cung điện Versailles.

9.3.3 Giai đoạn 3: Hậu kỳ.

Đặc điểm kiến trúc: Chịu ảnh hưởng mạnh của Baroque.

Công trình tiêu biểu: các hình thức trang trí phát triển mạnh khi đại sứ quán Thổ tại Paris được xây dựng với các trang trí rườm rà xa hoa kiểu phương Đông.

Chương 10: KIẾN TRÚC CẬN ĐẠI GIAI ĐOẠN I (1760-1880).

10.1 Các ảnh hưởng xã hội.

- Chủ nghĩa Tư bản hình thành rộng rãi tại Châu Âu. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra những chuyển biến lớn trong xã hội bởi sự phân công sản xuất cao, sử dụng kỹ thuật mới và việc áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào nền sản xuất đại cơ khí.

- Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng, dân nông thôn tràn vào đô thị, tạo nên nhu cầu lớn về nhà ở, đô thị phát triển một cách tự phát.

10.2 Các trào lưu kiến trúc Cận đại Giai đoạn I.

Việc hình thành các trào lưu phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới bắt đầu hình thành. Trong khi các kiến trúc sư vẫn chưa thoát khỏi vai trò thẩm mỹ thuần túy của kiến trúc, nhiều tiến bộ mới trong kỹ thuật xây dựng đã được áp dụng bởi các kỹ sư và các chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác.

10.2.1 Chủ nghĩa Tân cổ điển (Theo phong cách Hy - La).

- Lan truyền chủ yếu tại Anh và Pháp, giai cấp Tư sản thấy trong Chủ nghĩa Cổ điển còn nhiều yếu tố cần cho chủ nghĩa Tư bản. Đề cao tự do cá nhân, cho rằng nhiệm vụ của nghệ sĩ chỉ là tổ hợp nghệ thuật thuần túy.

- Kỹ thuật mới cho phép nghiên cứu học tập tỉ mỉ và sùng bái kiến trúc cổ. Ví dụ kỹ thuật đo đạc, ngành khảo cổ, nhất là sự kiện khai quật thành Pompei đã đẩy lên phong trào thán phục và học tập kiến trúc cổ La mã

Công trình tiêu biểu:

Tại Pháp: Phục cổ La Mã với Khải hoàn môn Ngôi Sao, Đền Pantheon-Paris.

Tại Anh: Phục cổ Hy Lạp với trường y khoa Edinburgh, Bảo tàng Anh.

Tại Đức: Công Brandenburg, Bảo tàng Berlin.

Tại Mỹ: Điện Capitol (Nhà quốc hội).

10.2.2 Chủ nghĩa lãng mạn (Theo phong cách Gothic).

- Bắt nguồn từ tâm trạng dao động của các tầng lớp quý tộc luyện tiếc chế độ phong kiến xưa. Công trình gồm: lâu đài có phong cách phòng thủ, nhà thờ kiểu Gothic, thành lũy, trụ sở kiểu Gothic, vườn hoa mang đường nét tự nhiên.

- Sau 1830: Trở nên phức tạp do giai cấp Tiểu Tư sản thất vọng với chế độ Tư sản ca ngợi cuộc sống quý tộc thoải mái thời lý Gothic, căm ghét đô thị, ca ngợi tự nhiên, không ưa công nghiệp hoá máy móc gò bó. Từ đó phát sinh tư tưởng lãng mạn, vận dụng cả phong cách phương Đông.

Công trình tiêu biểu: Điện Westminster (Nhà quốc hội Anh), Nhà thờ Milan.

10.2.3 Chủ nghĩa Chiết trung trang trí:

- Hưng thịnh tại Pháp giữa thế kỷ XIX (1820-1900), tại Mỹ cuối thế kỷ XIX-đầu XX, (1850-1920)

- Bản chất: là sản phẩm của giai cấp tư sản mới lên theo kiểu "Nhà giàu mới", tán dương tất cả các hình thức nghệ thuật của các nền kiến trúc trên thế giới, dùng nhiều hình thức rườm rà, ít chú ý đến công năng.

- Phong cách: Chạy theo trang trí bên ngoài: chú ý đến cột, cuốn, cầu thang, đỉnh tường, chấp vá kỳ dị. Có khi cột là Thức cổ điển Phương Tây, cuốn vòm lại là kiểu phương Đông... tận dụng một số vật liệu mới như gang, đúc cột mảnh mai...

- Địa điểm: tại nhiều nước, nhưng phát triển mạnh tại các xứ thuộc địa hơn ở chính quốc, được giới nhà giàu mới ở các xứ thuộc địa ưa chuộng.

- Mặt tích cực: tuy chủ nghĩa chiết trung chạy theo trang trí nhưng đã góp phần thúc đẩy xu hướng tìm tòi khía cạnh kiến trúc dân tộc cổ truyền bản xứ áp dụng chủ yếu trên trang trí khi vận dụng công nghệ xây dựng mới nhập.

Công trình tiêu biểu: Các gian triển lãm của các nước đế quốc tại Triển lãm thuộc địa tại Paris 1931.

10.2.4 Xu hướng Kỹ thuật mới.

Sự phát triển mạnh mẽ của các phát minh kỹ thuật mới tạo điều kiện phát triển ngành xây dựng. Nhiều loại công trình mới đòi hỏi một giải pháp kiến trúc phù hợp.

Công trình tiêu biểu: Cầu Brooklyn (Newyork, 1868, John Roebling), Cung thủy tinh - Crystal Palace (London, 1851, Joseph Paxton), Tháp Eiffel (Paris, 1893, Gustave Eiffel), Cung cơ khí (Paris, 1887-1889, KTS Dutere).

Lý luận kiến trúc: xuất hiện nhiều quan niệm tiên bộ trong kiến trúc như: "trong kiến trúc, nghệ thuật được tạo ra không phải ở chỗ sử dụng những đá quý đắt tiền và cóp nhặt những thứ trang hoàng lộng lẫy, mà ở việc xây dựng những hình dáng và khả năng biểu hiện mục đích ý nghĩa của công trình" (Vio de Doux , Bàn về kiến trúc) hay "Yêu cầu công năng quy định hình thức kiến trúc của công trình" (Henry Labrouste).

Chương 11: KIẾN TRÚC CẬN ĐẠI GIAI ĐOẠN II (1880 – đầu Tk XX).

11.1 Các ảnh hưởng xã hội.

- Chủ nghĩa Tư bản bước qua thời kỳ độc quyền: tập trung vật lực, tài lực vào tay một số nhà Tư bản lớn đã đưa kiến trúc vào quỹ đạo thương phẩm phục vụ mục đích riêng, quảng cáo cho mình.

- Công nghiệp phát triển nhanh, các khám phá khoa học làm thay đổi thế giới quan mọi người.

- Các nghệ sĩ tìm tòi hướng mới, bày tỏ sự thất vọng với những trường phái kinh viện cũ, tuy nhiên cũng quanh quẩn với chủ nghĩa cá nhân, chủ yếu hướng theo chủ nghĩa bút pháp, chủ nghĩa biểu hiện.

11.2 Các trào lưu kiến trúc Cận đại Giai đoạn II.

11.2.1 Phái Nghệ thuật mới (Art Nouveau).

- Xuất hiện tại Bỉ những thập niên 1880, sau đó lan ra khắp Châu Âu.

Quan điểm thiết kế: Loại bỏ hình thức kiến trúc cổ, tìm tòi những phong cách mới, kiến trúc có tính chất thời đại, lấy nhu cầu của thị trường làm tiêu chuẩn.

Phong cách thiết kế: nhấn mạnh cái đẹp đường nét, dùng sắt để trang trí, thích đường cong, giàu nhịp điệu, đen trắng rõ ràng, có sức mạnh, mô phỏng thiên nhiên, hoa lá, cây cỏ.

Công trình tiêu biểu: Lối xuống ga tàu điện ngầm tại Paris (Pháp, 1900, Kts. Hector Guimard), Trường nghệ thuật Glasgow (Anh, 1897-1909, Kts. Charles Rennie Mackintosh), Casa Mila (Tây Ban Nha, 1905-1910 Kts. Antonio Gaudi), Nhà thờ của dòng họ Sagrada (Barcelona, Tây Ban Nha, 1882-1926, Kts. Antonio Gaudi).

11.2.2 Học phái Chicago.

Hoàn cảnh phát sinh:

- Quan hệ sản xuất TBCN phát triển mạnh tại Mỹ. Kết cấu kim loại phát triển, kính và kim loại trở nên có giá trị thực tiễn trong xây dựng, nhất là xây dựng công nghiệp hoá.

- Thành phố Chicago có công nghiệp phát triển mạnh, tốc độ đô thị hoá nhanh, lại không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa phục cổ.

- Các KTS chủ yếu của học phái Chicago gồm William Le Baron Jenney (1832-1907), John Root (1850-1881), Louis Sullivan (1856-1924), William Holabird (1854-1923) đã có những bước đột phá trong việc giải quyết nhà xây hàng loạt, nhà kết cấu kim loại, nhà chọc trời.

Quan điểm thiết kế: Kts. Sullivan là người dẫn đầu học phái Chicago. Các công trình của ông được thiết kế dựa trên các quan điểm thiết kế sau:

- + Quan hệ chặt chẽ với thiên nhiên.
- + Hình thức phụ thuộc yêu cầu sử dụng, đề cao yêu cầu thích dụng.
- + Ngôi nhà được bố cục chặt chẽ như một cơ thể
- + Mọi dây chuyền sử dụng đều có quan hệ với nhau.

Công trình tiêu biểu:

Nhà văn phòng Second Leiter Building (Chicago, 1889-1990, Kts. Jenney), Cửa hàng bách hoá Schlesinger-Mayer (Chicago, 1899-1904, Kts. Sullivan), Wainwright Building (St. Louis, 1890-1881, Kts. Sullivan).

11.2.3 Hội liên hiệp công tác Đức (Deutsch Werkbund).

- Hội do Hermann Muthesius sáng lập và sau đó Peter Behrens chủ trì gồm các KTS, họa sĩ, mỹ thuật công nghiệp, thủ công nghiệp... sản xuất công nghiệp. H.Muthesius mong muốn nâng cao chất lượng hàng hoá Đức và nâng Đức lên vị trí vô địch trong làm ăn và thị trường thế giới. Ông tìm kiếm một phong cách nghệ thuật để thay cho chủ nghĩa Chiết trung đang ngự trị của thế kỷ 19.

- Các KTS chủ yếu của hiệp hội gồm Henri Van de Velde, Peter Behrens, Bruno Taut, Joseph Hoffman, Walter Gropius, Aldolf Meier...

- Tuyên ngôn của Deutsche Werkbund: Cải tạo hàng hoá để đạt chất lượng cao, đặt mối liên hệ giữa người tiêu dùng và cơ quan sản xuất, chống lại hàng chất lượng kém.

Quan điểm thiết kế: Kiến trúc bắt đầu từ kỹ thuật, cái đẹp nhất trí với khoa học kỹ thuật. Nhân mạnh kiến trúc phải kết hợp với sản xuất cơ khí hiện đại nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng.

Công trình tiêu biểu: Phân xưởng turbine công ty AEG (Berlin, 1909, Kts. Peter Behrens), Nhà máy đóng giày Fagus (Alfeld-an-der-Leine, 1911-1914, Kts. Walter Gropius và Adolf Meyer).

Chương 12: KIẾN TRÚC HIỆN ĐẠI

12.1 Các ảnh hưởng xã hội.

- Chủ nghĩa Tư bản tiến lên Chủ nghĩa Đế quốc dẫn đến vấn đề chia cắt lãnh thổ, mâu thuẫn giữa các nước Đế quốc dẫn đến hai cuộc Chiến tranh Thế giới huỷ diệt sinh mạng con người và các thành tựu kiến trúc xây dựng.

- Mâu thuẫn giai cấp Tư sản và giai cấp Vô sản trở nên trầm trọng. Giai cấp Tư sản phải vừa đàn áp vừa đưa ra nhiều biện pháp xã hội có tính mị dân. Kiến trúc trở thành công cụ phục vụ cho chủ nghĩa tư bản và phương tiện đầu cơ chính trị.

- Sau chiến tranh, nạn thiếu nhà ở trở nên trầm trọng, yêu cầu xây dựng hàng loạt đã đưa tới xu hướng công nghiệp hoá xây dựng.

- Xuất hiện sự đòi hỏi phải có những phương pháp thiết kế và xây dựng phù hợp với yêu cầu hiện đại hoá công nghiệp.

- Kỹ thuật xây dựng, kết cấu và vật liệu xây dựng có nhiều tiến bộ vượt bậc dẫn đến những quan niệm mới về thẩm mỹ phù hợp với kỹ thuật mới như bố cục tự do, đơn giản hoá và hợp lý hoá hình khối

12.2 Đặc điểm kiến trúc.

- Chủ nghĩa Công năng trở thành trào lưu lớn nhất thế kỷ, công năng không đứng một mình mà kết hợp với kết cấu, thẩm mỹ và kinh tế. Ngoài ra còn có các trào lưu khác đáp ứng các yêu cầu và hoàn cảnh khác nhau.

- Hình khối đa dạng do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nhất là kỹ thuật beton cốt thép.

- Kiến trúc phát triển với số lượng lớn, tốc độ nhanh.

- Hình khối kiến trúc đơn giản hoá và hợp lý hoá, phù hợp với kỹ thuật và quan niệm thẩm mỹ mới.

12.3 Các trào lưu kiến trúc tiêu biểu.

12.3.1 Chủ nghĩa Biểu hiện. (Expressionism)

Quan điểm thiết kế: Chú ý đến sức biểu hiện của kiến trúc, tạo hình kiến trúc được ưu tiên sau đó mới đến công năng, kỹ thuật.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Erich Mendelsohn, Bruno Taut...

Công trình tiêu biểu: Đài thiên văn Einstein (Potsdam, 1920-1921, Kts. Mendelsohn).

12.3.2 Chủ nghĩa Vị lai. (Futurism)

Quan điểm thiết kế: Chủ trương phá bỏ mọi tàn tích, xây dựng một tương lai mới tách khỏi mọi truyền thống cũ.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Kts. Antonio Sant'Elia (1888-1917) với các phác thảo về thành phố tương lai.

12.3.3 Chủ nghĩa Kết cấu Nga. (Constructivism)

Quan điểm thiết kế: Ra đời sau Cách mạng tháng 10 Nga, đi tiên phong trong cả kỹ thuật và thẩm mỹ.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Vladimir Tatlin, anh em nhà Vesnin, Mehnikov...

Công trình tiêu biểu: Đài Đệ tam Quốc tế (Saint Peterburg, 1919-1920, Kts. Vladimir Tatlin), Gian triển lãm nghệ thuật trang trí của Liên Xô tại Paris (1925, Kts. Mehnikov)...

12.3.4 Các trường phái Kiến trúc Hà Lan.

+ Phái De Stijl.

Quan điểm thiết kế: Sử dụng thủ pháp mảng - khối, theo đuổi hình dáng hình học, đặt cách tân hình khối lên hàng đầu, có ảnh hưởng đến Bauhaus sau này.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Theo van Doesburg, Gerrit Rietveld...

Công trình tiêu biểu: Tòa thị chính Hilversum (1929, Kts. W.M. Dudok), Nhà ở gia đình Schroeder (Kts. Rietveld).

+ Phái Rotterdam.

Quan điểm thiết kế: Xử lý nghệ thuật tinh tế, tán thành một phần truyền thống (gạch, mái dốc, mái ngói, chú ý thủ pháp tương phản mặt phẳng + khối).

Kiến trúc sư tiêu biểu: W.M. Dudok, Jacobus J. Oud, J A Brinkmann...

Công trình tiêu biểu: Toà thị chính tại Hilversum (1926, Kts.W.M. Dudok, Nhà máy Van Nelle (Rotterdam, 1927-1930, Kts. J.A. Brinkmann).

+ Phái Amsterdam.

Quan điểm thiết kế: Nghiêng về hình thức, sử dụng tường gạch kết hợp kết cấu BTCT, dùng xen kẽ các khối lập phương, tròn, parabol, tháp, trang trí kết hợp cảm giác thời đại, phong cách dân tộc, tình cảm cá nhân.

Kiến trúc sư tiêu biểu: P. Krammer, Nichel de Klerk...

Công trình tiêu biểu: Nhóm nhà ở nhiều gia đình tại Ronnenplein (1920-1922, Kts. Krammer).

12.3.8 Kiến trúc Hữu cơ. (Organic Architecture)

Quan điểm thiết kế: Từ 1930, Frank Loyld Wright xây dựng trường phái kiến trúc hữu cơ với quan điểm:

+ Kiến trúc gắn bó hài hoà với thiên nhiên, tôn trọng thiên nhiên, mô phỏng thiên nhiên, đề cao tính địa phương.

+ Thiết kế phù hợp với cá tính đặc thù con người mà nó phục vụ.

+ Quan niệm: "Thẩm mỹ cũng là công năng."

+ Quan niệm: "Nhà phát triển từ trong ra ngoài", coi trọng nội thất, coi hình thức chỉ là vỏ.

+ Không gian lưu động, bên trong phù hợp với bên ngoài.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Frank Loyld Wright, Richard Neutra, Alvar Aalto

Công trình tiêu biểu:

Kts. Frank Lloyd Wright: Robie House (Illinois, 1907-1909), Biệt thự trên thác (Pennsylvania, 1936), Nhà văn phòng Johnson-Wax (Wisconsin, 1936-1939), Bảo tàng Guggenheim (New York, 1959).

Kts. Richard Neutra: Kaufmann House on Desert (Colorado, 1947).

Kts. Alvar Aalto: Gian triển lãm Phần Lan tại triển lãm New York 1939, Toà thị chính thành phố Saynatsalo (Phần Lan, 1952).

12.3.9 Chủ nghĩa Công năng. (Functionalism, Rationalism)

Quan điểm thiết kế: Chủ nghĩa Công năng còn gọi là Chủ nghĩa Duy lý là trường phái lớn nhất của thế kỷ XX, tập hợp những kiến trúc sư lớn nhất của thời kỳ Hiện đại và có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của kiến trúc thế giới từ 1970 trở về trước. Quan điểm thiết kế của Chủ nghĩa Công năng:

- + Phải có sự liên hệ hợp lí giữa các thành phần của công trình.
- + Hợp lý hoá các bộ phận công trình trên cơ sở khoa học kỹ thuật.
- + Thẩm mỹ xuất phát từ công năng hoàn thiện và kết cấu hợp lý.
- + Chú ý vai trò xã hội của kiến trúc.

Các thủ pháp thiết kế:

+ Mặt bằng bố cục tự do, công trình được phân khu thành những khối chứa các bộ phận có chức năng tương tự hoặc đồng nhất với nhau, các khối này gắn với nhau bằng những lối đi kín và hở.

+ Sử dụng hình dạng hình học đơn giản, dùng phân vị ngang, cửa sổ bằng, mái bằng.

+ Kiến trúc được tiêu chuẩn hoá, công nghiệp hoá rộng rãi.

Kiến trúc sư tiêu biểu:

- **Walter Gropius** (1883-1969) và **học phái Bauhaus**: là trường phái công năng đầu tiên, cực thịnh vào 1923-1928. Cơ sở ban đầu là hai trường Mỹ thuật và Nghệ thuật trang trí Weimar và dời về Dessau vào năm 1926.

- *Nhiệm vụ chính của Bauhaus:*

+ Đào tạo & nghiên cứu phương pháp đào tạo KTS kiểu mới.

+ Thực nghiệm xây dựng và sản xuất đồ gia dụng công nghiệp.

- *Quan điểm thiết kế:*

+ Đề cao công năng, dựa trên sự nghiên cứu mối liên hệ giữa tâm sinh lý, vật lý và kiến trúc (dựa trên các điều kiện vệ sinh, kích thước con người để quyết định việc sử dụng không gian, xác định khoảng cách nhà, phân tích chiều nắng và thông gió trong kiến trúc).

+ Tiến hành modun hoá cấu kiện, cơ giới hoá thi công và thông dụng hoá gia cụ.

+ Giải pháp kiến trúc tùy thuộc vào công năng, nên hình thức bố cục tự do, không đối xứng (quan niệm mới về không gian mới, tự do).

- *Thành phần tác giả:* nhiều nhà nghệ thuật và KTS lỗi lạc.

+ Giảng dạy kiến trúc: Walter Gropius, Hannes Meyer, Marcel Breuer, Mies Van de Rohe...

+ Giảng dạy nghệ thuật tạo hình: Wassily Kandinsky, Paul Klee, Ladislav Moholy-Nagy...

- *Công trình tiêu biểu:* Trường Bauhaus (Dessau, 1926, Kts. Walter Gropius), Quy hoạch & xây dựng nhiều tầng (Siemenstad, 1929, Kts. Walter Gropius, Feuerbach & Hans Scharoun).

- **Ludwig Mies Van Der Rohe** (1886-1969): cũng là một thành viên của Bauhaus.

- *Quan điểm thiết kế:* Hướng tới sự tinh giản để đi đến cái đẹp chính xác, rõ ràng. "Less is more" (Ít tức là nhiều) là câu nói nổi tiếng của ông.

+ Đơn giản hoá hệ thống kết cấu, nhằm đưa đến một hiệu quả đơn giản và thuần khiết về tạo hình.

+ Sử dụng kết cấu không gian lớn, chia cắt không gian tự do.

+ Phân biệt rõ kết cấu chịu lực và kết cấu ngăn che, sử dụng rộng rãi thép, kính.

- *Công trình tiêu biểu*: Gian triển lãm của nước Đức (Barcelona, 1929), Nhà Fransworth (Illinois, 1935), Học viện Công nghệ Illinois (Illinois, 1935), Chung cư ven hồ (Illinois, 1951), Nhà Seagram Building (Chiacago, 1958).

- **Le Corbusier** (1887-1958): Xuất thân là họa sỹ và nhà điêu khắc nhưng là nhà hoạt động kiến trúc lớn nhất của thế kỷ, có ảnh hưởng lớn lao. Ông đã cộng tác và học tập nhiều KTS nổi tiếng Peter Behrens, Tony Garnier, học tập nghệ thuật sử dụng beton của Auguste Peret.

Thông qua các hoạt động lý luận của mình, với cuốn sách "Tiến tới một nền kiến trúc mới", ông cổ động cho cái đẹp hiện đại có tính chất công nghiệp, gia công cơ khí, theo ông các đường nét thẳng, vuông hay tròn là những đường nét chủ đạo của kiến trúc hiện đại. Ông đưa ra quan niệm: "Nhà là cái máy để ở".

"*5 luận điểm về thiết kế nhà ở*" của ông đã làm thay đổi tận gốc những quan điểm đối với các hình thức kiến trúc cổ:

1. Nhà trên cột, tầng trệt bỏ trống làm lối đi, để ô tô.
2. Vườn trên mái bằng, dùng nghỉ ngơi, trẻ em vui chơi.
3. Mặt bằng tự do, nhà khung nên vách ngăn và tường bao che hoàn toàn phụ thuộc vào yêu cầu sử dụng bên trong. Các tầng không nhất thiết trùng nhau.
4. Cửa sổ băng ngang kéo dài.
5. Mặt đứng tự do, trở cửa với bất kỳ dáng nào.

- *Công trình tiêu biểu*: Biệt thự Savoye (Poissy, 1929-1931), Đơn vị nhà ở lớn (Marseille, 1945-1952), Quy hoạch và quần thể công trình Chandigarh (Ấn Độ, 1950-1958), Nhà thờ Ronchamp (1950-1955).

12.3.10 Phong cách quốc tế. (International Style)

Quan điểm thiết kế: Cho rằng sau khi nền công nghiệp ra đời và phát triển, kiến trúc các nước đều như nhau, bài xích tính địa phương. Tuy nhiên có nhiều quan điểm giống chủ nghĩa công năng.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Mies Van de Rohe, Philip Johnson

Công trình tiêu biểu: Nhà Seagram Building (Chicago, 1958, Kts. Mies Van de Rohe, Philip Johnson), Glass House (Connecticut, 1949, Kts Philip Johnson).

12.3.11 Chủ nghĩa Biểu hiện mới. (Neo Expressionism)

Quan điểm thiết kế: Chủ nghĩa Biểu hiện sau một thời gian dài bị lãng quên trước sự phát triển mạnh mẽ của Chủ nghĩa Công năng đã hồi sinh cùng với sự ý kiến phê phán sự khô khan đối với những cái hộp của Chủ nghĩa Công năng. Chủ nghĩa Biểu hiện mới tạo nên sức biểu hiện không chỉ bằng khả năng tạo hình mà còn cho thấy sức biểu hiện mạnh mẽ của các hình thức kết cấu trong xây dựng.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Eero Saarinen, John Utzon, Oscar Neimeyer...

Công trình tiêu biểu: Ga hàng không TWA (New York, 1962, Kts. Eero Saarinen), Nhà hát Opera Sydney (1970, Kts. John Utzon), Các công trình tại Brasilia (1956-1962, Kts. Oscar Neimeyer).

12.3.12 Chủ nghĩa Thô mộc. (Brutalism)

Quan điểm thiết kế: Sử dụng bê tông trần, ngoài ra cả gạch trần, ảnh hưởng thủ pháp của Le Corbusier. Chú ý logic công năng, logic kết cấu, nhấn mạnh các biện pháp cấu trúc đơn giản, biểu hiện mộc mạc của mặt phẳng kiến trúc không xử lý, màu sắc thiên nhiên.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Le Corbusier, Paul Rudolph, Louis Kahn...

Công trình tiêu biểu: Jaoul House (Neuilly-sur-Seine, 1955, Kts. Le Corbusier), Viện nghiên cứu y học Richards (Philadelphia, 1957-1961, Kts. Louis Kahn), Khoa nghệ thuật Tạo hình và Kiến trúc (New Haven, 1963, Kts. Paul Rudolph).

12.3.13 Kiến trúc Chuyển hoá luận (Metabolism).

Quan điểm thiết kế: Ra đời và phát triển chủ yếu tại Nhật Bản vào thập niên 1970. Chủ trương kết hợp truyền thống dân tộc với kỹ thuật hiện đại. Phát huy mối liên hệ "Kiến trúc - Con người- Thiên nhiên" là nguyên tắc lâu đời của kiến trúc

Nhật Bản mà thời kỳ đầu khi nhập cảng kiến trúc phương Tây vào đã bị loại bỏ. Các kiến trúc sư Chuyển hóa luận khai thác các quan điểm sau trong quá trình thiết kế:

- Các tác giả này đi tìm sự phù hợp giữa nhu cầu mới của con người với khí hậu, tập quán và truyền thống dân tộc. Họ đã khai thác truyền thống nhưng không phục hưng nguyên xi, không coi phục hưng di sản là mục đích.

- Tinh hoa của kiến trúc cổ truyền được vận dụng kết hợp nhuần nhuyễn với nếp sống mới, kỹ thuật mới (với beton, thép, kính nhưng vẫn nhắc truyền thống xưa). Chủ nghĩa chuyển hoá chủ trương kiến trúc phải đáp ứng hoặc tiến lên không ngừng trước cả yêu cầu của xã hội, chống lại sự lão hoá lỗi thời của công trình. Họ quan niệm: kiến trúc là không gian thay đổi liên tục và phát triển không ngừng, mỗi thời điểm lại đáp ứng các yêu cầu một cách hoàn chỉnh, toàn vẹn.

- Công trình của họ xây xong vẫn còn như đang dở dang còn tiếp tục, họ chú ý đến tính linh hoạt của kiến trúc.

- Tổ chức không gian cực lớn (Megastructure) với các đồ án phần nhiều chỉ dừng lại ở những ý.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Kenzo Tange, Kisho Kurokawa, Arata Isozaki...

Công trình tiêu biểu: Tòa nhà Nagakin Capsule (Tokyo, 1971-1972, Kts. Kisho Kurokawa), Cung thể thao Olympic (Tokyo, 1960, Kts. Kezo Tange), quy hoạch Tokyo - 1960 (Kts. Kezo Tange)..

12.3.14 Kiến trúc Hậu hiện đại (Post Modernism).

Quan điểm thiết kế: Xuất hiện từ những năm 1970-1980 sau khi kiến trúc Hiện đại bộc lộ nhiều nhược điểm. Giới kiến trúc trở nên hoài nghi những lý tưởng của kiến trúc Hiện đại. Các nhà lý luận bắt đầu xem xét lại lý luận của chủ nghĩa Hiện đại và phân tích cho thấy bản thân các KTS bậc thầy cũng không kiên trì được với đường lối của mình. Kiến trúc Hậu Hiện đại quay về với ngôn ngữ kiến trúc cổ điển như những ký hiệu kiến trúc phổ biến đối với mọi người và chủ trương hình thức kiến trúc không nhất thiết phải gắn liền với công năng.

Thời điểm coi như là "ngày chết" của kiến trúc Hiện đại là ngày mà một chung cư lớn, một tác phẩm của chủ nghĩa Hiện đại bị cho nổ mìn phá bỏ.

Thời điểm mà kiến trúc Hậu Hiện đại được coi như xuất hiện là lúc một cuộc triển lãm kiến trúc tại Italia xuất hiện năm 1970 với bản vẽ trình bày các tác phẩm theo phong cách mà sau đó người ta gọi là kiến trúc thời Hậu hiện đại.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Philip Johnson, Robert Venturi, Charles Moore...

Công trình tiêu biểu: Tòa nhà AT&T (New York, 1984, Kts. Philip Johnson), Vanna House (Pennsylvania, 1963, Kts. Robert Venturi), Quảng trường Italia (New Orleans, 1957-1980 Kts. Charles Moore).

12.3.15 Kiến trúc Hiện đại mới (Late Modernism).

Quan điểm thiết kế: Thực ra kiến trúc Hiện Đại vẫn tiếp tục phát triển bởi trong bản thân nó mang nhiều yếu tố tích cực. Kiến trúc Hiện đại mới thể hiện sự quan tâm nhiều hơn đến việc khai thác các yếu tố thẩm mỹ, tổ chức không gian... tạo nên sức biểu hiện mới thay cho những hình thức khô cứng của kiến trúc Hiện đại.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Ieoh Ming Pei, Richard Meier, Tadao Ando...

Công trình tiêu biểu: Bảo tàng Nghệ thuật Hoa Kỳ (Washington, 1968-1978, Kts. Ieoh Ming Pei), Smith House (Connecticut, 1965-1967, Kts. Richard Meier), Nhà thờ trên nước (Hokkaido, 1985-1988, Kts. Tadao Ando).

12.3.16 Kiến trúc Hi-tech.

Quan điểm thiết kế: Kiến trúc Hi-tech chủ trương tác phẩm kiến trúc phải được hình thành bằng những công nghệ tiên tiến nhất như kết cấu, vật liệu, thiết bị và phải phô trương các thành phần công nghệ cao cấp. Ngày nay, kiến trúc Hi-tech hướng vào việc thiết kế kiến trúc bền vững, chú ý đến các yếu tố sinh thái và tiết kiệm năng lượng.

Kiến trúc sư tiêu biểu: Renzo Piano, Norman Foster, Ken Yeang...

Công trình tiêu biểu: Trung tâm văn hóa Pompidou (Paris, 1971-1978, Kts. Renzo Piano), Ngân hàng HSBC (HongKong, 1986, Kts. Norman Foster), Cao ốc Menara Mesiniaga (Kuala Lumpur, Kts. KenYeang).

12.3.17 Trường phái Phi cấu trúc (Deconstruction).

Quan điểm thiết kế: Phái Deconstruction chủ trương xét lại mọi quan điểm và phương pháp thiết kế trước đây và chủ trương sử dụng các phương pháp hoàn toàn mới. Trường phái Phi cấu trúc thường sử dụng thủ pháp tách rời các bộ phận khác nhau của công trình sau đó xô lệch, xoắn...

Kiến trúc sư tiêu biểu: Frank O' Gehry, Peter Eisenman, Zaha Hadid...

Công trình tiêu biểu: Bảo tàng Guggenheim (Bilbao, 1997, Kts. Frank O' Gehry), Trung tâm Nghệ thuật Wexner (Ohio, 1989, Kts. Peter Eisenman), Trung tâm Nghệ thuật đương đại (Cincinnati, 2003, Kts. Zaha Hadid).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.